TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-PT
Ngày: 26-4-2019
V/v "tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan.

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn N**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Ee Soon H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ee Soon H: Bà **Đỗ Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1972. (theo Giấy ủy quyền ngày 26/02/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn N)

Địa chỉ: phường 2, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn H**.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim U**, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH H (Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim U).

Tại phiên tòa, có mặt Đỗ Thị Ngọc Đ, Nguyễn Thị Kim U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có bán sản phẩm sơn Nippon cho Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) theo Hợp đồng mua bán số SCD010/13/HĐKT-NPV ngày 02/01/2013.

Ngày 02/01/2014 Công ty N và Công ty H tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng kinh tế số SCD010/13-14/HĐKT-NPV. Nhằm hỗ trợ đẩy mạnh doanh số bán hàng, Công ty N có cho Công ty H mượn tài sản là hệ thống máy pha sơn màu điều khiển bằng máy vi tính (gọi tắt là máy CCM) theo Hợp đồng cho mượn tài sản số CCM100/14/HĐKT-NPV ngày 02/01/2014.

Ngày 02/01/2016 Công ty N và Công ty H tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng cho mượn tài sản số CCM100/14/HĐKT-NPV: đồng ý gia hạn thời hạn mượn tài sản đến ngày 31/12/2016 và được bà Nguyễn Thị Kim U là Giám đốc Công ty H ký xác nhận. Tuy nhiên trong quá trình mua bán doanh số của Công ty H ngày càng giảm, thấp hơn chỉ tiêu đã ký kết trong hợp đồng mua bán nên Công ty N buộc phải thu hồi máy CCM nhưng bà Kim Uyên từ chối không hợp tác giao trả máy CCM, mặc dù nhân viên của Công ty N nhiều lần nhắc nhở. Đến ngày 31/7/2018 Công ty N đã gởi văn bản lần cuối yêu cầu Công ty H trả lại máy CCM, nhưng vẫn không có phản hồi.

Nay Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty H trả lại hệ thống máy pha sơn màu điều khiển bằng máy vi tính (gọi tắt là máy CCM) cho Công ty.

Tại bản khai, biên bản hòa giải, bị đơn trình bày: Bà U là Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty H, giữa Công ty N và Công ty H có ký hợp đồng mua bán sơn từ năm 2012. Thời gian đầu hai bên mua bán bình thường, đến năm 2016 do Công ty N thay đổi nhân sự làm việc khắt khe không giống như nội dung Hợp đồng đã ký, thường mang giấy tờ ra bắt bà U ký đối chiếu xác nhận công nợ, gây khó khăn trong việc kinh doanh nên từ năm 2017 bà Uyên chỉ nhận rất ít hàng của Công ty N. Trong quá trình mua bán do giữa hai bên không chịu ký đối chiếu nên bà U không trả máy CCM, mục đích là để hai bên đối chiếu công nợ cho rõ ràng, cụ thể.

Nay Công ty TNHH N yêu cầu Công ty TNHH H trả máy CCM, bà U đồng ý trả máy nhưng với điều kiện giữa hai Công ty phải đối chiếu xong công nợ.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đưa vụ án ra xét xử tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST đã quyết định:

Áp dụng: Điều 5, Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 512, khoản 3 Điều 514 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH H do bà Nguyễn Thị Kim U là Giám đốc đại diện phải trả lại cho Công ty TNHH N 01 (một) hệ thống máy pha sơn màu điều khiển bằng máy vi tính gồm: phần cứng là 01 máy nhỏ màu, 01 máy lắc màu, 01 bộ máy vi tính để bàn, 01 ổn áp SUTUDO, 01 máy lưu điện (UPS) SANTAK 1000VA, 01 máy in nhãn BROTHER và phần mềm Tintwise.

Về án phí: Công ty TNHH H phải nộp 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH N không phải chịu tiền án phí. Ngày 23/8/2018 Công ty TNHH N đã nộp 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0023538 do Thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết thu, nay được hoàn trả cho nguyên đơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2018, bà Nguyễn Thị Kim U đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH H làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Công ty H do bà Nguyễn Thị Kim U đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn thừa nhận đã mượn tài sản của nguyên đơn và đồng ý trả tài sản với điều kiện nguyên đơn phải đối chiếu, tất toán các khoản nợ của hợp đồng mua bán giữa hai bên.

- Công ty N do bà Đỗ Thị Ngọc Đ đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả hệ thống máy pha sơn cho nguyên đơn do bị đơn không đạt doanh số bán hàng. Hợp đồng mua bán và hợp đồng mượn tài sản không liên quan nhau nên bị đơn yêu cầu đối chiếu công nợ rồi mới trả tài sản là không có căn cứ. Mặt khác, đến năm 2017 bị đơn cũng không đạt doanh số 600 triệu đồng nên phải trả máy cho nguyên đơn.

- Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu: Việc tiến hành tố tụng của Hội đồng xét xử và việc tuân theo pháp luật của đương sự ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về buộc bị đơn trả tài sản cho nguyên đơn và phần án phí. Sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường giá trị linh kiện máy đã mất hoặc hư hỏng của nguyên đơn đối với bị đơn do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Tòa án 02 cấp, nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận nguyên đơn đã cho bị đơn mượn hệ thống máy pha sơn màu điều khiển bằng máy vi tính theo Hợp đồng cho mượn tài sản ngày 02/01/2013. Bị đơn cũng thừa nhận đã nhận đủ linh kiện hệ thống máy móc như Biên bản giao nhận tài sản ngày 26/3/2012 và sử dụng tài sản mượn từ đó đến nay. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn thống nhất giao trả tài sản đã mượn. Lời khai của hai bên đương sự phù hợp với nội dung Hợp đồng cho mượn tài sản số CCM100/14/HĐKT-NPV ngày 02/01/2014 do Công ty N và Công ty H đã ký kết. Với căn cứ trên, đủ cơ sở để xác định nguyên đơn đã cho bị đơn mượn hệ thống máy pha sơn màu điều khiển bằng máy vi tính và đến nay bị đơn chưa giao trả tài sản mượn.

[2] Cùng ngày 02/01/2013, Công ty N và Công ty H đã ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm sơn xây dựng. Theo đó, Công ty H mua sản phẩm của Công ty N. Nội dung hợp đồng mua bán không có điều khoản nào liên quan đến hợp đồng cho mượn tài sản và hệ thống máy pha sơn nên Công ty H đưa ra yêu cầu phía Công ty N phải đối chiếu công nợ rồi mới trả tài sản là không có căn cứ.

[3] Tại hợp đồng mượn tài sản, hai bên đã thỏa thuận điều kiện để mượn tài sản là Công ty H phải đạt doanh số bán sản phẩm của Công ty N hàng năm 600 triệu đồng. Mặt khác, đến ngày 02/01/2016, hai bên đã ký hợp đồng gia hạn cho mượn máy pha sơn có thời hạn đến ngày 31/12/2016. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận doanh số mua bán hàng của Công ty H năm 2016 đạt trên 600 triệu đồng, đến năm 2017 không đạt 600 triệu đồng và đến cuối năm 2017 hai bên không còn mua bán nữa. Căn cứ lời khai của đương sự và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng cho mượn tài sản thì đến cuối năm 2017 đã đến hạn trả lại tài sản. Đồng thời, Công ty H cũng không còn đủ điều kiện để mượn máy pha sơn theo thỏa thuận. Do vậy, năm 2018 Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả lại hệ thống máy pha sơn cho Công ty N là có căn cứ. Bản án sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của Công ty N là đúng quy định.

[4] Đối với yêu cầu của Công ty H về đối chiếu công nợ hợp đồng mua bán, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích quyền khởi kiện phản tố cho Công ty H nhưng Công ty không khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết quan hệ mua bán nên không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm.

[5] Với nhận định trên, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ngoài ra, tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty N đã rút yêu cầu khởi kiện bồi thường giá trị linh kiện của máy bị mất hoặc hư hỏng, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết yêu cầu của đương sự mà nhận định không xem xét là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 308, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2018/KDTM-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết về phần nội dung tranh chấp đòi tài sản và án phí; Sửa bản án sơ thẩm về phần nội dung rút khởi kiện của nguyên đơn.

Áp dụng: Điều 5, Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 512, khoản 3 Điều 514 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N 01 (một) hệ thống máy pha sơn màu điều khiển bằng máy vi tính gồm: phần cứng là 01 máy nhỏ màu, 01 máy lắc màu, 01 bộ máy vi tính để bàn, 01 ổn áp SUTUDO, 01 máy lưu điện (UPS) SANTAK 1000VA, 01 máy in nhãn BROTHER và phần mềm Tintwise.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc yêu cầu bồi thường giá trị linh kiện của máy pha sơn bị mất hoặc hư hỏng. Công ty trách nhiệm hữu hạn N có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải nộp 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0023538 ngày 23/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng, bị đơn đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023766 ngày 21/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết ;
- Chi cục THADS thành phố Phan Thiết;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiệp Hòa